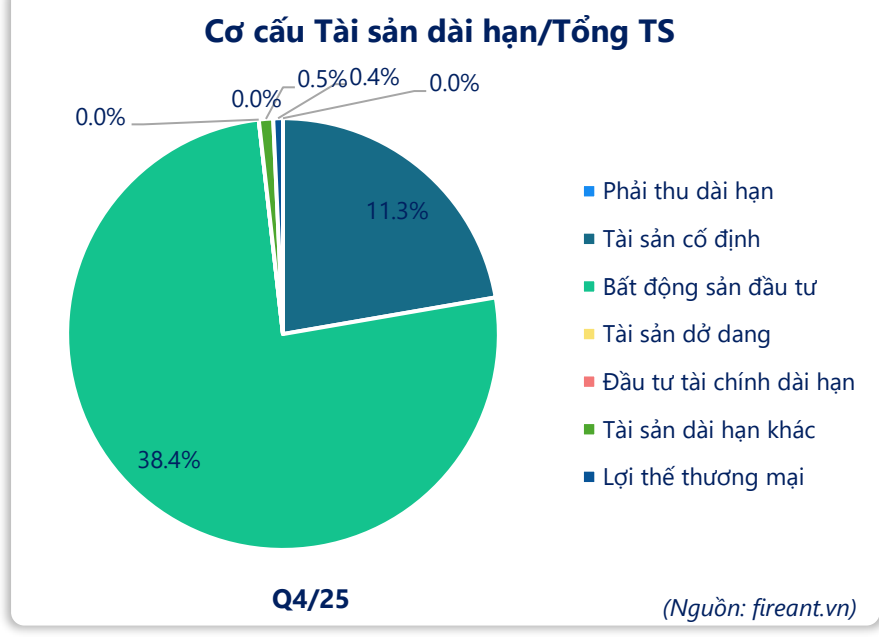
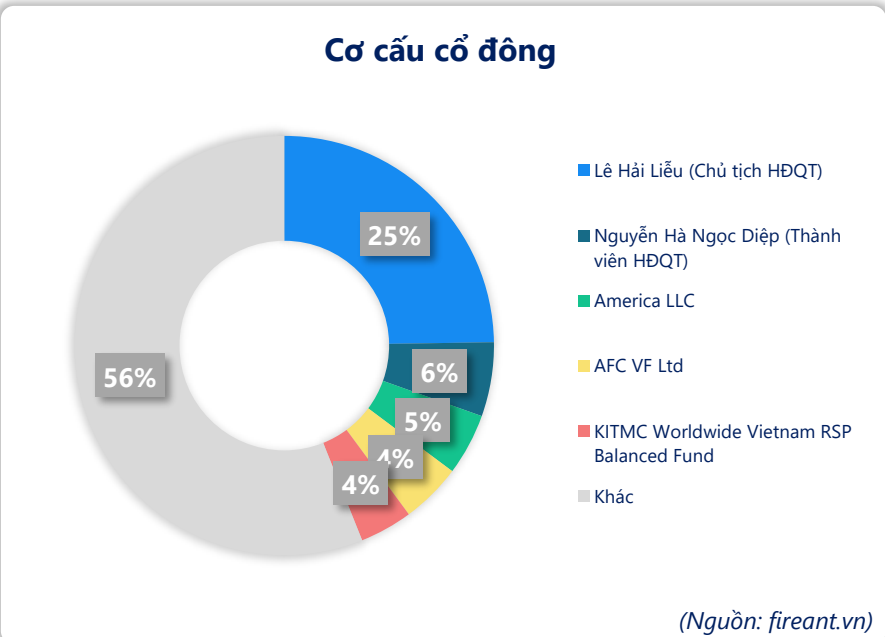
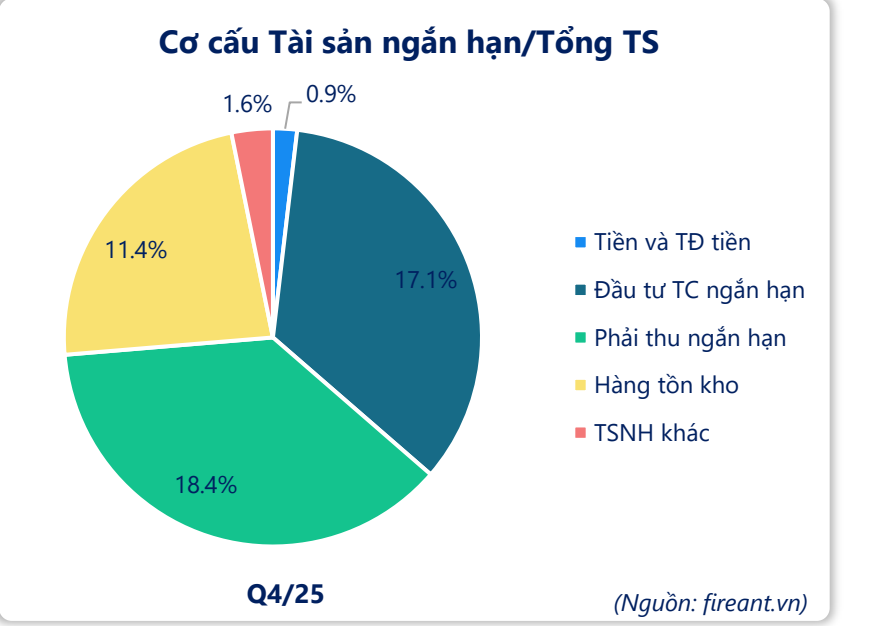
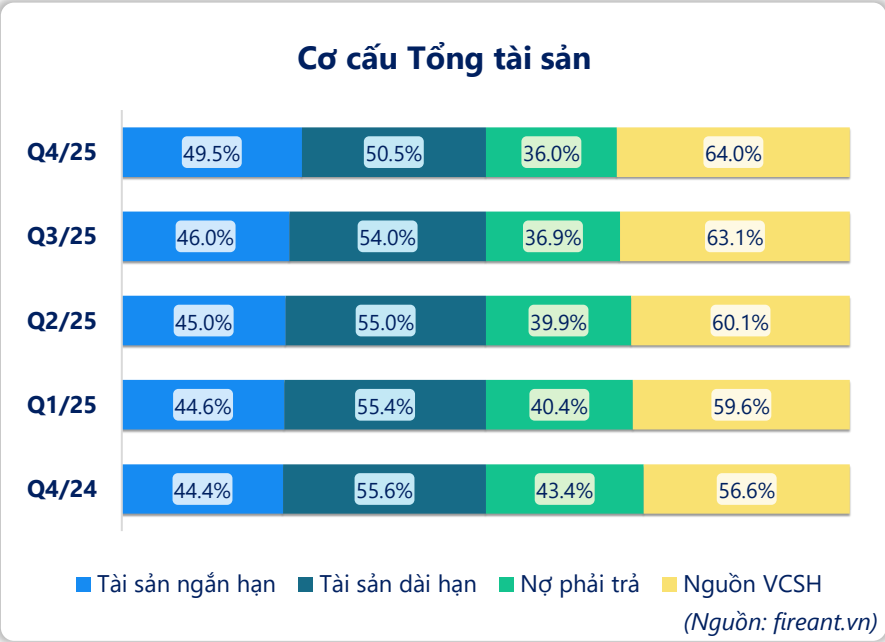
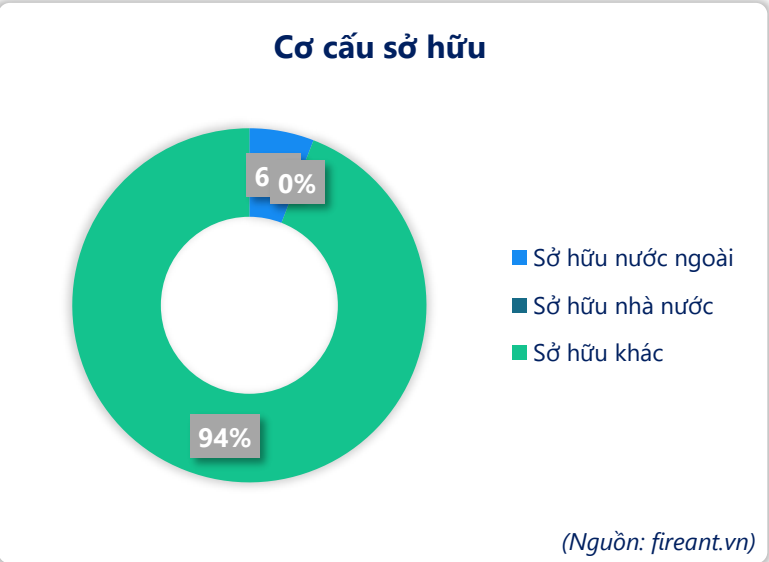
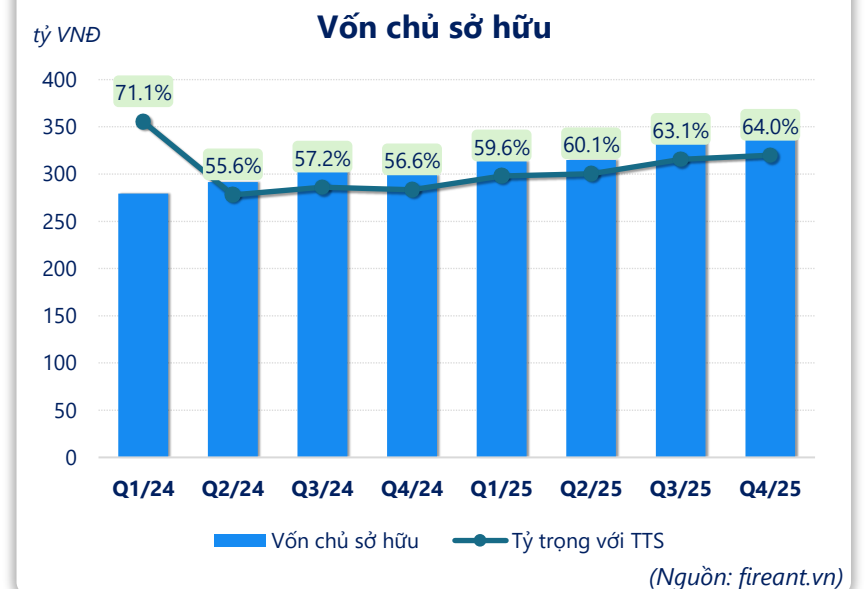
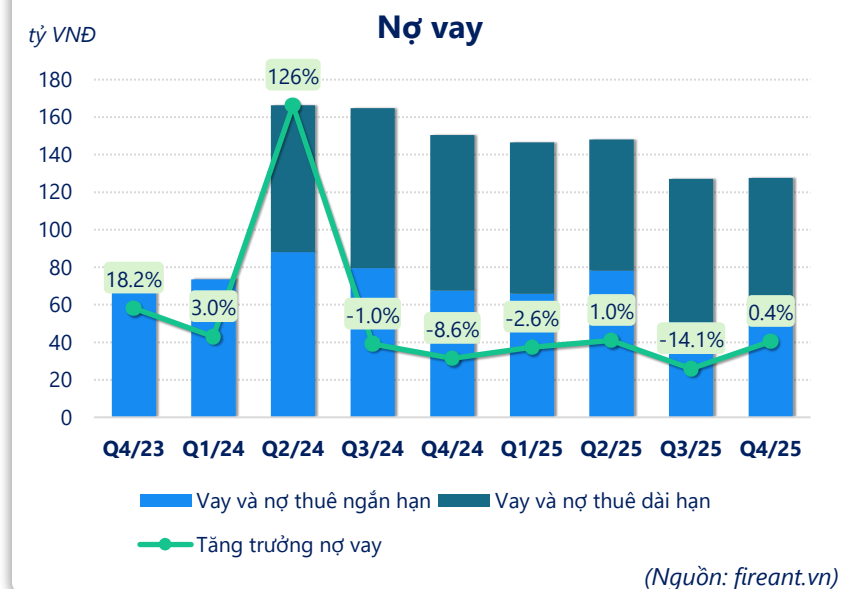
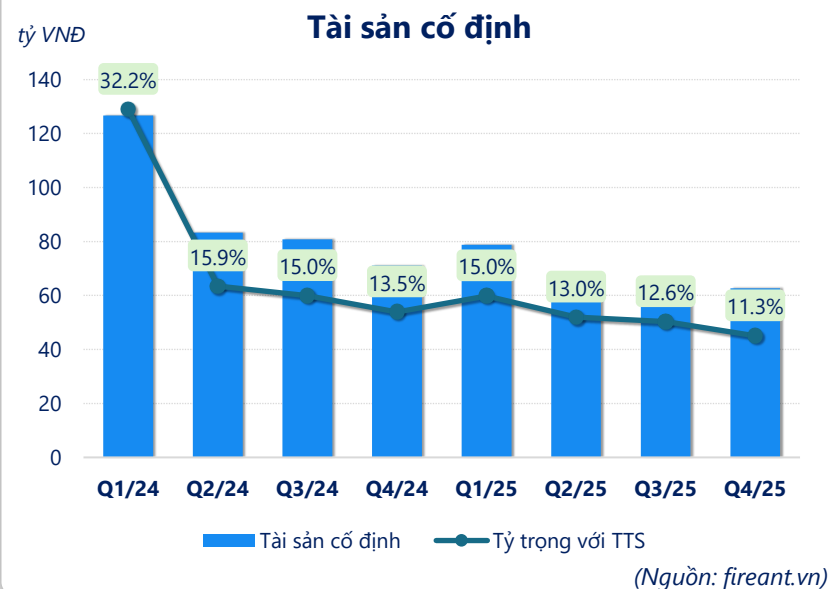
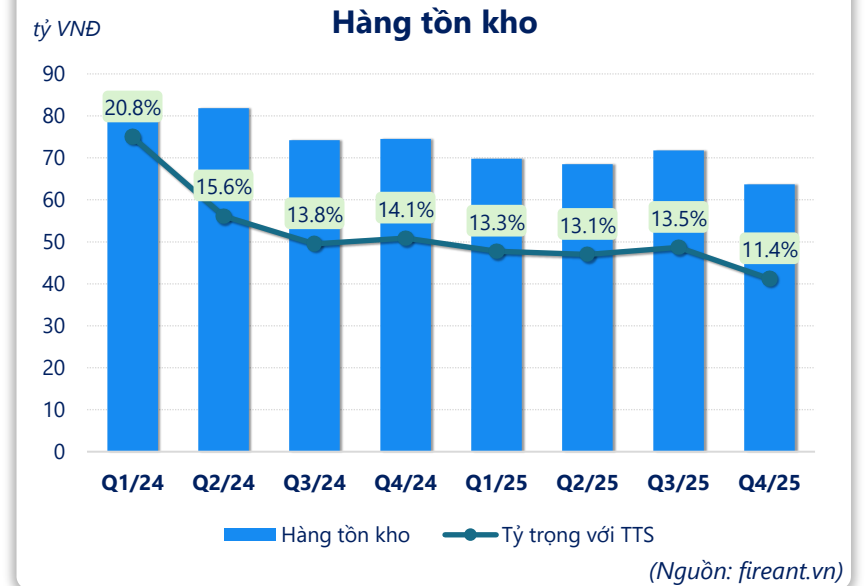
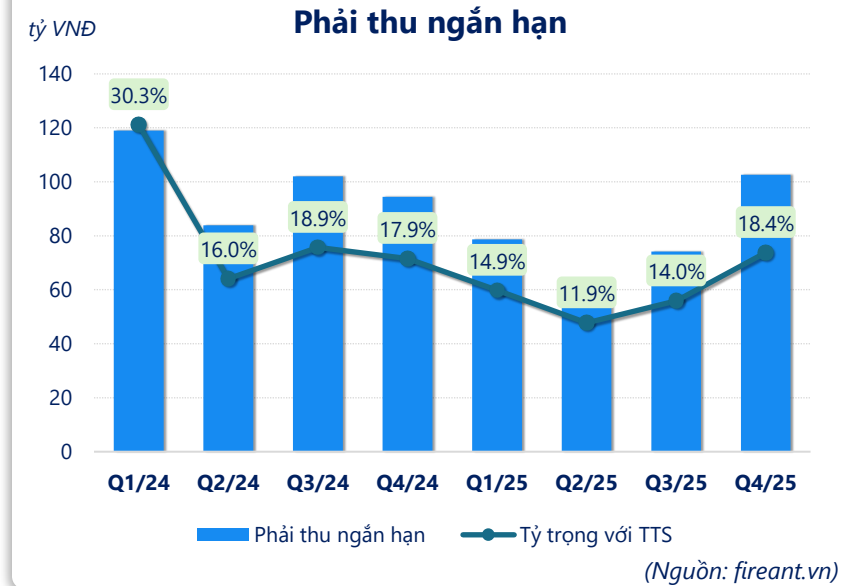
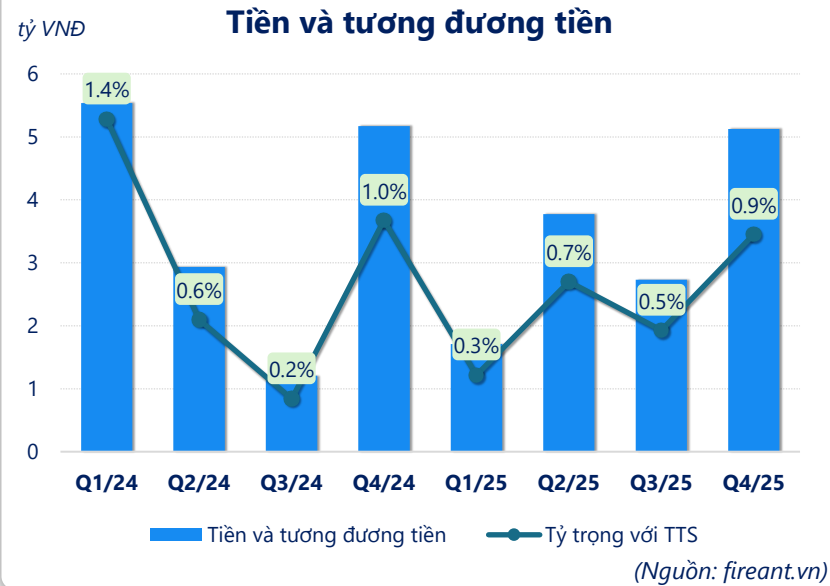
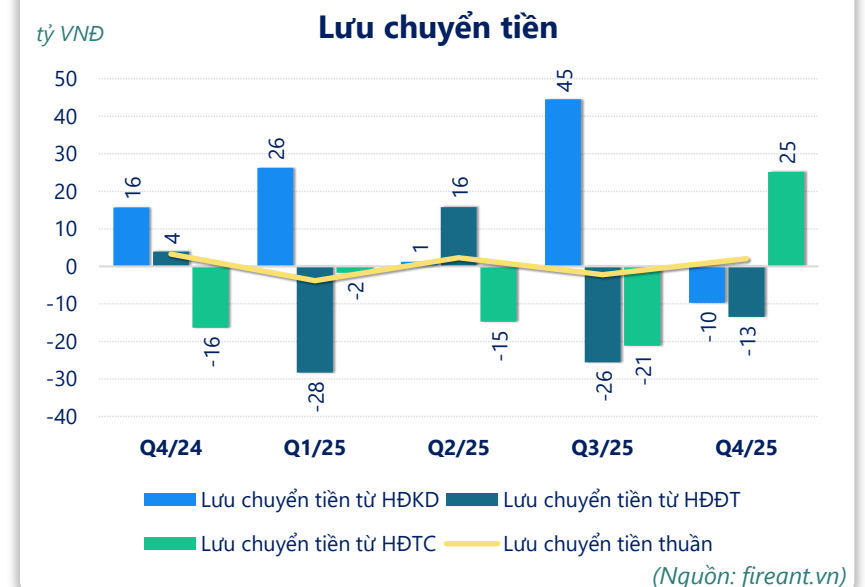
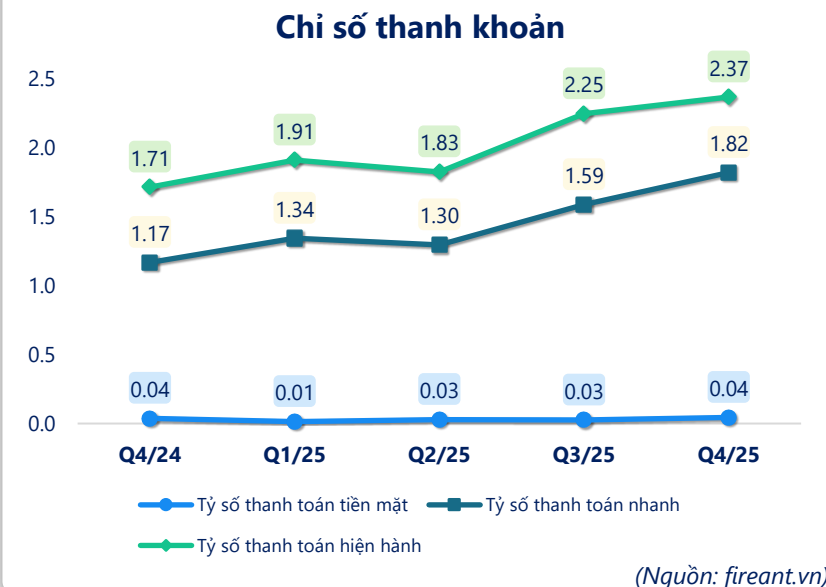
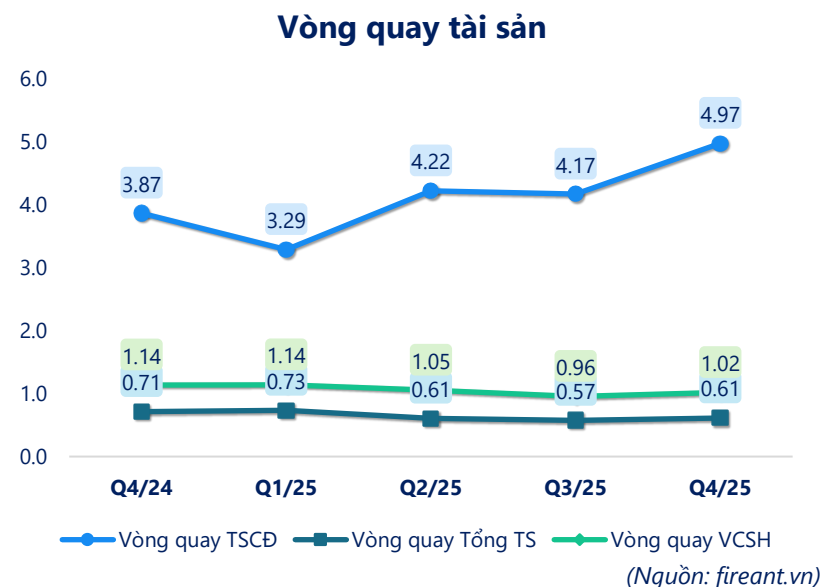
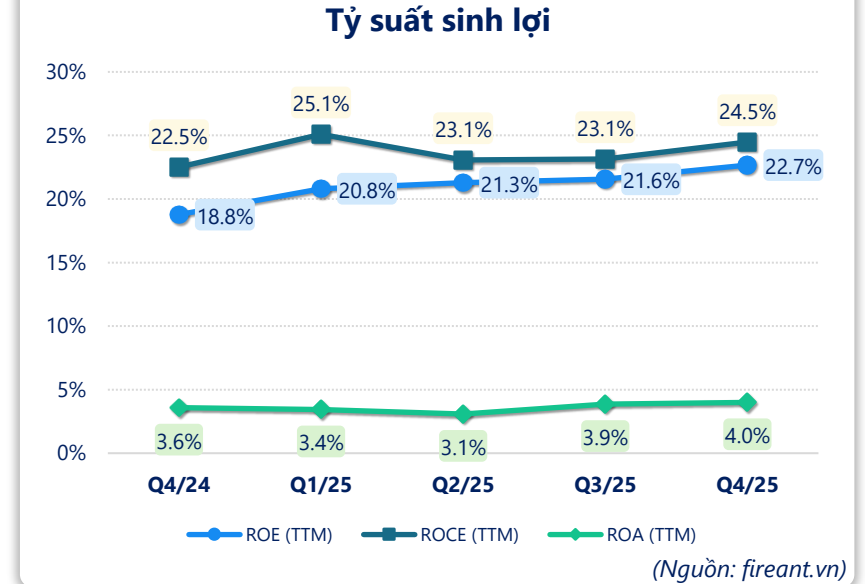
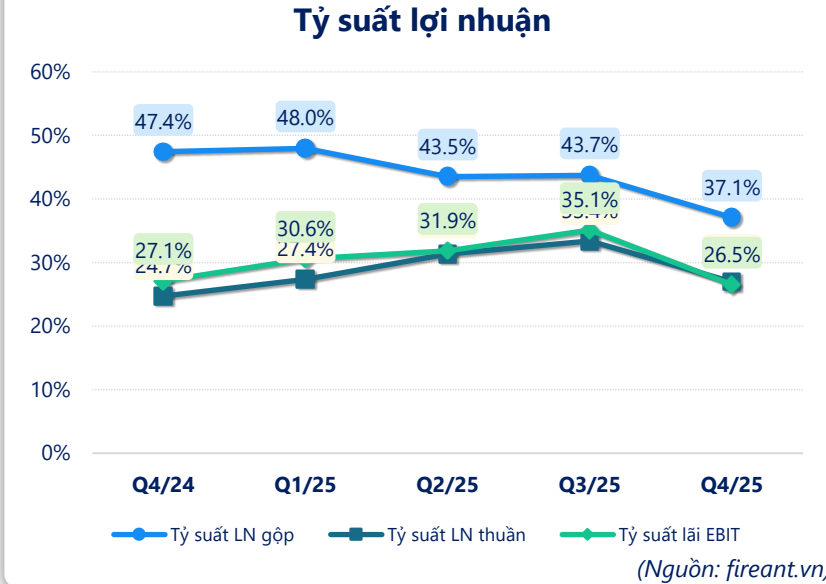
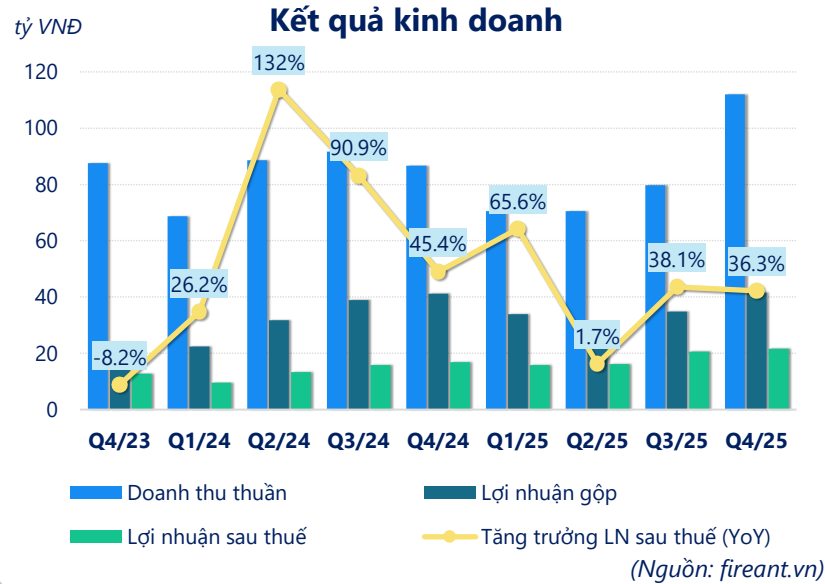


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		21,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,605
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,706
SL cổ phiếu LH		24,650,191
KLGD BQ 20 phiên (CP)		27,235
% sở hữu nước ngoài		5.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		518
P/E		7.0
EPS		3,011

	YTD	1T	3T	6T
GDT	-13.4%	5.8%	5.1%	1.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	556	524	6.1%
Tài sản ngắn hạn	275	230	19.5%
Tiền và tương đương tiền	5.12	5.17	-0.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	95.0	51.6	84.3%
Phải thu ngắn hạn	103	92.6	10.9%
Hàng tồn kho	63.7	73.2	-13.0%
Tài sản ngắn hạn khác	8.78	7.73	13.6%
Tài sản dài hạn	281	294	-4.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	62.7	82.6	-24.1%
Bất động sản đầu tư	214	206	3.5%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.01	5.03	-40.2%
Lợi thế thương mại	2.03	0	
Nợ phải trả	201	226	-11.3%
Nợ ngắn hạn	116	143	-18.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	53.5	76.3	-29.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.4	15.6	-33.4%
Nợ dài hạn	84.3	82.9	1.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	74.2	74.2	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	356	298	19.4%
Vốn chủ sở hữu	356	298	19.4%
Vốn điều lệ	249	239	4.4%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	86.7	70.6	70.5	79.7	112
Giá vốn hàng bán	45.6	36.7	39.8	44.8	70.5
Lợi nhuận gộp	41.1	33.8	30.7	34.8	41.5
Doanh thu HĐTC	2.72	2.53	2.63	1.88	2.34
Chi phí TC	2.97	3.33	3.26	2.47	2.60
Chi phí lãi vay	1.92	1.89	1.84	1.71	1.70
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.39	2.98	4.68	2.87	3.31
Chi phí QLDN	15.1	10.8	3.32	4.77	7.79
LN thuần từ HĐKD	21.4	19.3	22.1	26.6	30.2
Lợi nhuận khác	0.17	0.39	-1.46	-0.34	-2.16
LN trước thuế	21.6	19.7	20.6	26.3	28.0
Lợi nhuận sau thuế	16.8	15.8	16.2	20.6	21.7
LNST của CĐ cty mẹ	16.8	15.8	16.2	20.6	21.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.7	26.2	1.18	44.5	-9.72
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.96	-28.3	15.8	-25.6	-13.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-16.3	-1.73	-14.7	-21.1	25.2
Tiền đầu kỳ	1.21	5.17	1.71	3.77	2.73
Lưu chuyển tiền thuần	3.28	-3.81	2.29	-2.19	2.02
Ảnh hưởng tỷ giá	0.68	0.35	-0.23	1.15	0.38
Tiền cuối kỳ	5.17	1.71	3.77	2.73	5.12

(Nguồn: fireant.vn)